

Số: 15/TB-UBND

Thượng Đình, ngày 10 tháng 4 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Về việc niêm yết công khai số liệu tình hình**  
**thực hiện dự toán quý 1 năm 2023**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND xã Thượng Đình Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2023.*

Ủy ban nhân dân xã Thượng Đình thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2023 cụ thể như sau:

**1. Nội dung niêm yết công khai**

Gồm các biểu mẫu sau: 113,114,115

**2. Hình thức công khai**

- Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Thông báo trên trang thông tin của xã;
- Thông báo bằng văn bản gửi phòng Tài chính- kế hoạch, gửi cho cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng xóm 15 xóm.

**3. Thời gian công khai:** 30 ngày liên tục (kể từ ngày 10/4/2023 đến 10/5/2023)

Trong thời gian niêm yết công khai các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tập thể cá nhân, các tổ dân phố trên địa bàn có ý kiến phản ánh xin gửi tới văn phòng UBND xã(

chỉ tiếp nhận bằng văn bản)

Vậy UBND xã Thông báo để biết./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã; HĐND xã
- UBMTTQ và các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng xóm trong xã;
- Niêm yết tại trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, đăng trên trang thông tin của xã;
- Lưu: Văn phòng UBND, Ban Tài chính./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**



**Dương Văn Tám**

Số: 52 /QĐ-UBND

Thượng Đình, ngày 10 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu tình hình**  
**thực hiện dự toán quý 1 năm 2023**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỢNG ĐÌNH**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Xét đề nghị của Ban tài chính, công chức văn phòng thống kê xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu số liệu tình hình thực hiện dự toán quý 1 năm 2023.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã; HĐND xã
- UBMTTQ và các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng xóm trong xã;
- Niêm yết tại trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, đăng trên trang thông tin của xã;
- Lưu: Văn phòng UBND, Ban Tài chính./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**



**Dương Văn Tám**

**CÂN ĐO NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)**  
Quý 1 Năm 2023



Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>5.549.000.000</b>	<b>1.479.100.884</b>	<b>26,66</b>
1.	Các khoản thu 100%	100.000.000	12.916.000	12,92
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	130.000.000	26.950.510	20,73
3.	Thu chuyển nguồn		39.234.374	
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.319.000.000	1.400.000.000	26,32
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.319.000.000	1.400.000.000	26,32
	- Bổ sung có mục tiêu			
<b>II.</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>5.549.000.000</b>	<b>1.158.306.984</b>	<b>20,87</b>
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên	5.549.000.000	1.158.306.984	20,87
3.	Dự phòng			



**TỔC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ**

Quý 1 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>5.589.000.000</b>	<b>5.549.000.000</b>	<b>1.490.232.271</b>	<b>1.479.100.884</b>	<b>26,66</b>	<b>26,66</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>12.916.000</b>	<b>12.916.000</b>	<b>12,92</b>	<b>12,92</b>
- Phí, lệ phí	55.000.000	55.000.000	12.916.000	12.916.000	23,48	23,48
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	45.000.000	45.000.000				
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>170.000.000</b>	<b>130.000.000</b>	<b>38.081.897</b>	<b>26.950.510</b>	<b>22,4</b>	<b>20,73</b>
1. Các khoản thu phân chia	50.000.000	50.000.000				
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35.000.000	35.000.000				
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	15.000.000	15.000.000				
- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	120.000.000	80.000.000	38.081.897	26.950.510	31,73	33,69

- Thuế giá trị gia tăng	80.000.000	80.000.000	28.073.447	26.950.510	35,09	33,69
- Thuế TNDN						
- Thuế thu nhập cá nhân	40.000.000		10.008.450		25,02	
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			<b>39.234.374</b>	<b>39.234.374</b>		
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.319.000.000</b>	<b>5.319.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>26,32</b>	<b>26,32</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.319.000.000	5.319.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	26,32	26,32
- Bổ sung có mục tiêu						



